| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 927/2023/DS-PT
Ngày: 08/9/2023
V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Lê Ngọc Tường

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Võ Thị Kim Thương
2. Bà Trần Thị Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30/8 và ngày 08/9/2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLPT-DS ngày 03/7/2023, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3438/2023/QĐXXPT-DS ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Thanh M, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 9 đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*:
2.1. Ông Trần Quang T, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Số A Đường số B, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
*Người đại diện theo ủy quyền của ông T*: Ông Trần Văn C, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: 1 T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
2.2. Bà Trần Phương H, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số A Đường số B, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H*: Ông Trần Quang T, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số A Đường số B, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người làm chứng*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người kháng cáo*: Ông Trần Quang T và bà Trần Phương H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Quang T làm việc trong Ban quản lý của Công ty B tại Dự án khu du lịch B và có thuê phòng tại khách sạn M3 của bà Ngô Thị Thanh M. Vào khoảng tháng 6/2021, ông T có mượn tiền của bà M để gửi về cho vợ là bà Trần Phương H sử dụng, vì tin tưởng ông T nên bà M đã chuyển khoản cho vợ chồng ông T và bà H số tiền 311.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 02/6/2021, chuyển số tiền 30.000.000 đồng;

Ngày 10/7/2021, chuyển số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 10/8/2021, chuyển số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 13/9/2021, chuyển số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 11/10/2021, chuyển số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 11/11/2021, chuyển số tiền 20.000.000 đồng;

Ngày 12/11/2021, chuyển số tiền 30.000.000 đồng;

Ngày 30/11/2021, chuyển số tiền 25.000.000 đồng;

Ngày 30/11/2021, chuyển số tiền 6.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền là 311.000.000 đồng. Bà M đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà H trả lại số tiền trên nhưng đến nay ông T và bà H vẫn chưa trả. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông T và bà H trả cho bà M số tiền 311.000.000đ (ba trăm mười một triệu đồng), ngay một lần.

Tại Bản tự khai 07/7/2022 và ngày 27/7/2022, ông Phạm Xuân Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, ngoài việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên, nguyên đơn còn yêu cầu vợ chồng ông T và bà H phải thanh toán tiền phạt lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày khởi kiện đến khi trả hết số tiền trên. Ngày 19/8/2022, nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với phần lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày khởi kiện đến khi trả hết số tiền 311.000.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 16/12/2022, bị đơn ông Trần Quang T trình bày:

Từ tháng 9/2019 đến tháng 3/2021, ông có làm việc tại B và ông có thuê khách sạn của bà M. Khi ông sắp nghỉ việc tại dự án thì bà M đề nghị ông cùng hợp tác làm ăn mở Văn phòng kinh doanh bất động sản, ông không cần bỏ vốn chỉ cần bỏ công sức đánh giá, chọn khu vực, có quyết định đầu tư đúng đắn đối với các dự án bất động sản.

Để giữ chân ông thì bà M hứa sẽ tặng ông chiếc xe ô tô Camry mà bà M đang sở hữu và tiền lời khi bán được miếng đất 9m x 15,5m tại địa phương. Chính vì vậy, ông đã bỏ công việc tại B để về sống chung với bà M từ tháng 4/2021 cho đến ngày 13/01/2022. Sau đó, ông đã phát hiện được bản chất con người của bà M nên giữa ông và bà M có xảy ra mâu thuẫn, bà M muốn chia tay với ông để quay lại hàn gắn tình cảm với người đàn ông tên V. Bà M đã tìm mọi cách nói xấu ông để không phải thực hiện cam kết với ông như đã hứa trên. Đồng thời, bà M còn xúc phạm danh dự của ông và còn nói ông chiếm đoạt tiền của bà M.

Vào thời điểm ông ở tại H của bà M, ông và bà M sống chung với nhau như vợ chồng và nhằm kết nối tình cảm giữa bà M với vợ ông là bà Trần Phương H, đồng thời do tình hình dịch bệnh đi lại khó khăn nên hàng tháng khi chuyển tiền về cho gia đình thì ông đều nhờ bà M chuyển tiền. Những lần đầu chuyển tiền thì bà M không ghi nội dung chuyển khoản nên các lần sau thì ông có nhắc bà M ghi nội dung là "TU ck". Bà M còn vu khống ông ăn cắp số tiền 2.000.000.000 đồng vào thời gian này và đã rêu rao cho nhiều người khác biết về việc này.

Một số lần bà M chuyển tiền qua tài khoản cho vợ ông để ông mua giúp đồ dùng cho bà M như: Tivi Samsung, bộ máy gồm 2 micro chống hú, cuộn dây loa nhật 100m, màn máy chiếu, nhiều dây cáp mạng, ghế và nhiều đồ dùng khác mà ông không nhớ hết. Ngay cả việc chuyển tiền cho ông mua I cũng trở thành việc ông nợ bà M.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì ông không đồng ý.

Ngày 13/02/2023, ông Trần Quang T có "Đơn đề nghị kết luận vụ án hoặc chuyển hồ sơ qua cơ quan điều tra tố giác tội phạm". Ngày 04/4/2023, ông T nộp "Đơn đề nghị đưa các nội dung tôi đã yêu cầu vào phiên tòa xét xử và thụ lý đơn phản tố".

Tại Bản tự khai đề ngày 21/7/2022, bị đơn bà Trần Phương H trình bày:

Bà chỉ biết bà Ngô Thị Thanh M thông qua ông Trần Quang T. Bà không giao dịch gì với bà M nên không đồng ý theo yêu cầu của bà M. Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì hết. Bà có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cúng ngày 14/9/2022 người làm chứng bà Lê Thị L trình bày:

Bà là người giúp việc cho nhà bà M. Bà có biết việc ông T mượn tiền của bà M thông qua hình thức chuyển khoản trực tiếp cho ông T, bà H và chuyển nhiều lần, cụ thể từng lần như thế nào thì bà không biết. Bà có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Tại bản án sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 19/4/2023, Toà án nhân dân quận Gò Vấp đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M.

Buộc ông Trần Quang T và bà Trần Phương H phải trả cho bà Ngô Thị Thanh M số tiền là: 311.000.000đ (ba trăm mười một triệu đồng). Trả một lần ngay khi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Quang T và bà Trần Phương H phải chịu là 15.550.000đ (mười lăm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

- H1 lại cho bà Ngô Thị Thanh M số tiền 7.775.000đ (bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0048561 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/5/2023 và ngày 16/5/2023, ông Trần Quang T và bà Trần Phương H là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn ông Trần Quang T và bà Trần Phương H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

Theo hồ sơ khởi kiện, nguyên đơn có cung cấp hai địa chỉ gồm: địa chỉ nơi cư trú: 193/6/13 Đường số B, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ quán C2 P, Khu phố F, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Văn phòng Thừa phát Gia Định chỉ tống đạt Giấy triệu tập cho bị đơn tại quán cà phê số A P, Khu phố F, Phường F, quận G và lập biên bản không thực hiện được việc tống đạt được trực tiếp với nội dung: Tại thời điểm tống đạt, ông Trần Quang T và bà Trần Phương H không có mặt tại địa chỉ trên, không có người đủ điều kiện nhận thay văn bản theo quy định, không xác định được địa chỉ mới, đồng thời niêm yết công khai Giấy triệu tập là không đúng quy định. Bởi vì, Văn phòng T1 có Giấy triệu tập số 195/GTT-TA ngày 07/7/2022 có địa chỉ là nơi cư trú 193/6/13 Đường số B, Phường E, quận G.

Lời khai của người làm chứng bà Lê Thị L không trung thực, không khách quan nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Do đó, yêu cầu cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ như sau: Danh sách đăng ký tạm trú tại Homestay M có liên quan đến bà L trong thời gian giản cách xã hội; danh sách tiêm vắc xin ngừa Covid 19 có liên quan đến bà L tại Trung tâm Y tế xã B; Yêu cầu bà L cung cấp Sổ sức khỏe điện tử PC Covid của bà L và làm rõ bà L có phải là người giúp việc của bà M không và cư trú tại nhà bà M trong thời gian dịch C.

Tại phiên đối chất ngày 19/8/2022, gồm Thẩm phán sơ thẩm, ông Đ và bà M phối hợp để lấy lời khai có lợi cho bà M, có dấu hiệu thêm bớt, sửa đổi lời khai.

Biên bản phiên tòa và bản án có nhiều nội dung, tình tiết thể hiện không đúng lời khai các đương sự và mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Do đó, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Trường hợp, Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu hủy án sơ thẩm thì về nội dung:

Nguyên đơn không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ hoặc thỏa thuận nào chứng minh việc vợ chồng ông T và bà H vay mượn tiền của bà M. Nội dung chuyển khoản và Phiếu ủy nhiệm chi không có bất kỳ nội dung nào thể hiện bà M chuyển khoản cho vợ chồng ông T và bà H vay mượn tiền.

Số tiền 311.000.000 đồng bà M chuyển khoản cho ông T và bà H, trong đó có 111.000.000 đồng để mua các thiết bị cho Văn phòng bất động sản đặt tại nhà bà M; số tiền 100.000.000 đồng là ông T được hưởng một phần từ lợi nhuận hoạt động hợp tác kinh doanh giữa bà M và ông T và số tiền 100.000.000 đồng là ông T đưa tiền mặt cho bà M và nhờ bà M chuyển khoản cho bà H, vì thời điểm này do khách quan dịch Covid-19, xã hội bị giản cách, ông T mang theo tiền mặt và trong tài khoản của ông T không đủ số dư (thể hiện trong giao dịch chuyển khoản có nội dung "TU CK HAO").

Về số tiền mua hàng còn dư 18.000.000 đồng và số tiền 4.250.000 đồng ông T đã chuyển khoản cho bà M để chứng minh việc ông có mua trang thiết bị cho Văn phòng bất động sản đặt tại nhà bà M và trong phiên đối chất ngày 19/8/2022, bà M cũng thừa nhận nội dung này.

Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà M

+ Nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M ủy quyền cho ông Phạm Xuân Đ đại diện yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quang T và bà Trần Phương H và giữ nguyên án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện, ông T ủy quyền cho ông C đại diện và bà H ủy quyền cho ông T đại diện xác nhận thống nhất bà M đã chuyển khoản thông qua Phiếu chuyển khoản và Ủy nhiệm chi 09 lần cho ông T và bà H, tổng cộng là 311.000.000 đồng.

Bà Ngô Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang T và bà Trần Phương H phải trả cho bà M số tiền đã nhận của bà M là 311.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có nhận số tiền trên từ bà M thông qua chuyển khoản và ủy nhiệm chi nhưng không chứng minh được việc hoàn trả, có việc hợp tác kinh doanh bất động sản hoặc nhận tiền từ bà M để thực hiện công việc mua tài sản cho bà M.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T, bà H và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Theo Đơn khởi kiện ngày 21/3/2022, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M khởi kiện bị đơn ông Trần Quang T và bà Trần Phương H, cùng thường trú tại A P, Khu phố F, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy thông báo đòi nợ của bà Ngô Thị Thanh M ngày 20/4/2022, thông báo cho ông Trần Quang T và bà Trần Phương H, tại địa chỉ 1 đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp căn cứ Đơn khởi kiện và Giấy thông báo đòi nợ của bà Ngô Thị Thanh M để triệu tập đương sự bị đơn ông Trần Quang T và bà Trần Phương H, theo địa chỉ số A P, Khu phố F, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ 193/6/13 đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định của pháp luật và để đảm bảo cho ông T và bà H được thực hiện các quyền và nghĩa vụ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Ông T cho rằng, lời khai của người làm chứng bà Lê Thị L không trung thực, không khách quan nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh lời khai của bà L là không trung thực và không khách quan. Đồng thời, ông T yêu cầu cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ như sau: Danh sách đăng ký tạm trú tại Homestay M có liên quan đến bà L trong thời gian giản cách xã hội; danh sách tiêm vắc xin ngừa Covid 19 có liên quan đến bà L tại Trung tâm Y tế xã B; yêu cầu bà L cung cấp Sổ sức khỏe điện tử PC Covid của bà L và làm rõ bà L có phải là người giúp việc của bà M không và cư trú tại nhà bà M trong thời gian dịch C, là không cần thiết.

[4] Ông T cho rằng, tại phiên đối chất ngày 19/8/2022, gồm Thẩm phán sơ thẩm, ông Đ và bà M phối hợp để lấy lời khai có lợi cho bà M, có dấu hiệu thêm bớt, sửa đổi lời khai. Tuy nhiên, ông T không xuất trình được chứng cứ chứng minh Thẩm phán sơ thẩm có dấu hiệu thêm, bớt và sửa đổi lời khai. Do đó, ông T kháng cáo cho rằng, tại phiên đối chất ngày 19/8/2022, gồm: Thẩm phán sơ thẩm, ông Đ và bà M phối hợp để lấy lời khai có lợi cho bà M, có dấu hiệu thêm bớt, sửa đổi lời khai là không có căn cứ.

[5] Ông T kháng cáo cho rằng, Biên bản phiên tòa và Bản án sơ thẩm có nhiều nội dung, tình tiết thể hiện không đúng lời khai các đương sự và mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Đây là nội dung vụ án sẽ được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo Đơn kháng cáo của ông T và bà H ngày 04/5/2023.

[6] Từ những nhận định trên, ông T kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Tại Biên bản đối chất ngày 19/8/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện, ông T ủy quyền cho ông C đại diện và bà H ủy quyền cho ông T đại diện xác nhận bà M đã chuyển khoản thông qua Phiếu chuyển khoản và Ủy nhiệm chi 09 lần cho ông T và bà H, tổng cộng là 311.000.000 đồng, theo các Phiếu chuyển khoản và Ủy nhiệm chi như sau:

[7.1] Theo Phiếu chuyển khoản ngày 02/6/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M chuyển khoản cho bà Trần Phương H số tiền 30.000.000 đồng, với nội dung: "CHUYEN TIEN CHO HAO" (bút lục số 37).

[7.2] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 10/7/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung: "IB NGO THI THANH MY CK HAO" (bút lục số 36).

[7.3] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 10/8/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung: "MY CK HAO -100821-13:28:43 635006" (bút lục số 35).

[7.4] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 13/9/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung: 'TU CK HAO-120921-12:06:42 713406" (bút lục số 34).

[7.5] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 11/10/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung: 'TU CK HAO-111021-13:24:40 021299" (bút lục số 33).

[7.6] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 11/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 20.000.000 đồng, với nội dung: "Chuyen k" (bút lục số 30)

[7.7] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 12/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 30.000.000 đồng, với nội dung: "CHUYEN HAO-111121-20:21:43 881678" (bút lục số 29).

[7.8] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 30/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho ông Trần Quang T số tiền 25.000.000 đồng, với nội dung: "CHUYEN TU-301121-14:44:00 419682" (bút lục số 32)

[7.9] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 30/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho ông Trần Quang T số tiền 6.000.000 đồng, với nội dung: "CHUYEN TU- 301121-15:20:49 437790" (bút lục số 31).

[8] Đồng thời, bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện và ông T cũng xác nhận ngày 10/6/2021, ông T có chuyển khoản cho bà M số tiền 18.000.000 đồng và ngày 08/11/2021 và ông T có chuyển số tiền 4.250.000 đồng để xin gia hạn visa cho K (con bà M).

[9] Nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M khởi kiện bị đơn ông Trần Quang T và bà Trần Phương H, yêu cầu bị đơn trả số tiền 311.000.000 đồng mà nguyên đơn cho mượn.

[10] Bị đơn ông Trần Quang T xác nhận trong thời gian lưu trú tại khách sạn của bà M, ông và bà H có nhận số tiền 311.000.000 đồng từ bà M thông qua chuyển khoản. Tuy nhiên, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M vì đây không phải là tiền ông và bà H mượn của bà M mà là tiền ông nhận để mua hàng giùm cho bà M, tiền chia lợi nhuận từ việc kinh doanh bất động sản và tiền ông nhờ bà M chuyển cho vợ ông là bà H để bà H chi tiêu sinh hoạt gia đình.

[11] Theo các Ủy nhiệm chi, Phiếu chuyển khoản nêu trên, Biên bản đối chất do Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ngày 19/8/2022 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm xác nhận thống nhất về các lần chuyển khoản và số tiền chuyển khoản. Do đó, có căn cứ xác định bà Ngô Thị Thanh M đã chuyển khoản 09 lần cho ông Trần Quang T và bà Trần Phương H, tổng cộng số tiền là 311.000.000 đồng. Đồng thời, ngày 10/6/2021 ông T có chuyển khoản cho bà M số tiền 18.000.000 đồng và ngày 08/11/2021 và ông T có chuyển số tiền 4.250.000 đồng để xin gia hạn visa cho K (con bà M).

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không yêu cầu giám định các đĩa ghi âm USB và các tin nhắn do bị đơn ông T xuất trình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Tại Đơn kháng cáo ngày 04/5/2023, ông T trình bày, số tiền 311.000.000 đồng bà M chuyển khoản cho vợ chồng ông, trong đó có 111.000.000 đồng để mua các thiết bị cho Văn phòng bất động sản đặt tại nhà bà M; số tiền 100.000.000 đồng là ông T được hưởng một phần từ lợi nhuận hoạt động hợp tác kinh doanh mua bán đất giữa bà M với ông T và số tiền 100.000.000 đồng là ông T đưa tiền mặt cho bà M và nhờ bà M chuyển khoản cho bà H, vì thời điểm này do khách quan dịch Covid-19, xã hội bị giản cách,

ông T mang theo tiền mặt và trong tài khoản của ông T không đủ số dư (thể hiện trong giao dịch chuyển khoản có nội dung "TU CK HAO").

[14] Theo Phiếu chuyển khoản ngày 02/6/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M chuyển khoản cho bà Trần Phương H số tiền 30.000.000 đồng, với nội dung: chuyển tiền cho H (bút lục số 37).

[15] Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông T cung cấp Hóa đơn bán lẻ của Cửa hàng V1 – Công ty TNHH T2 ngày 23/5/2021 để chứng minh ông có mua dây loa, dây HDMI, dây mạng, dây tín hiệu, Jarl AV với số tiền 5.400.000 đồng; Hóa đơn của Công ty TNHH S – Anh K1 ngày 23/5/2021 để chứng minh có mua ghế xoay với giá 3.000.000 đồng; Sổ phụ TKTT chuyển khoản nhanh mua màn chiếu là 3.000.000 đồng và lược giải tin nhắn thể hiện có mua 02 ổ khóa là 600.000 đồng.

[16] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện thừa nhận bà M có nhờ ông T mua các tài sản mà ông T trình bày trên và bà M đã nhận được các tài sản nêu trên nhưng bà M là người trả tiền mặt cho người đến giao hàng. Tuy nhiên, bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà M là người trả tiền khi nhận các tài sản trên.

[17] Như vậy, theo các Hóa đơn bán lẻ của Cửa hàng V1 – Công ty TNHH T2 ngày 23/5/2021, Hóa đơn của Công ty TNHH S – Anh K1 ngày 23/5/2021, Sổ phụ TKTT chuyển khoản nhanh và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà M xác nhận bà M có nhờ ông T mua các tài sản dây loa, dây HDMI, dây mạng, dây tín hiệu, Jarl AV, ghế xoay, màn chiếu và 02 ổ khóa và bà M đã nhận các tài sản trên. Do đó, có căn cứ xác định ông T là người mua các tài sản trên cho bà M với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Đồng thời, theo Ủy nhiệm chi ngày 10/6/2021, ông T có chuyển khoản cho bà M số tiền 18.000.000 đồng và người đại diện theo ủy quyền của bà M cũng thừa nhận bà M đã nhận được số tiền 18.000.000 đồng do ông T chuyển khoản ngày 10/6/2021. Do đó, ông T kháng cáo cho rằng số tiền 30.000.000 đồng theo Phiếu chuyển khoản ngày 02/6/2021, là tiền mà bà M nhờ ông mua các tài sản và ông đã ứng trước mua các tài sản cho bà M và khi bà M chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng mua tài sản còn thừa thì ông chuyển khoản trả lại 18.000.000 đồng, là có căn cứ nên chấp nhận.

[18] Đối với hai Ủy nhiệm chi ngày 10/7/2021, và ngày 10/8/2021 thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung: IB NGO THI THANH MY CK HAO (bút lục số 35 – 36).

[19] Ông T kháng cáo cho rằng, số tiền theo hai Ủy nhiệm chi ngày 10/7/2021 và ngày 10/8/2021, là tiền lời từ giao dịch mua bán miếng đất ở Láng Hàng và Thèo N nên ông được chia mỗi lần 50.000.000 đồng và ông yêu cầu bà M chuyển số tiền này cho bà H (vợ của ông), thể hiện: tại tin nhắn zalo tờ 03 tập tài liệu số 01 và những lời thoại ghi âm đã lược giải tại tờ số 03, 04 tập tài liệu

số 03. Bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện xác nhận bà M có bồi dưỡng cho ông T hai lần tiền mua bán đất mỗi lần 50.000.000 đồng và đã đưa tiền mặt cho ông T chứ không phải chia tiền lời cho ông T. Tuy nhiên, bà M ủy quyền cho ông Đ không xuất trình được chứng cứ đã giao tiền mặt cho ông T. Do đó, ông T kháng cáo cho rằng số tiền 100.000.000 đồng, theo hai Ủy nhiệm chi ngày 10/7/2021 và ngày 10/8/2021 là tiền giao dịch mua bán đất, ông được bà M chia và ông yêu cầu chuyển khoản cho bà H là có căn cứ nên chấp nhận.

[20] Đối với Ủy nhiệm chi ngày 13/9/2021 và ngày 11/10/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung: "TU CK HAO" (bút lục số 33 – 34).

[21] Ông T kháng cáo cho rằng, thời điểm tháng 9 và A bị phong tỏa C1 không đi lại được nên ông phải dùng tiền mặt đưa cho bà M mỗi lần 50.000.000 đồng và nhờ bà M dùng tài khoản của bà M chuyển cho bà H, vì trong tài khoản của ông không đủ số dư, mỗi lần chuyển 50.000.000 đồng, nên trong nội dung chuyển khoản ghi T chuyển khoản cho H.

[22] Xét, hai tờ Ủy nhiệm chi ngày 13/9/2021 và ngày 11/10/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung: "TU CK HAO". Nếu là tiền của bà M tại sao nội dung chuyển khoản tại hai tờ Ủy nhiệm chi trên có nội dung T chuyển khoản cho H. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền mà bà M chuyển theo Ủy nhiệm chi ngày 13/9/2021 và ngày 11/10/2021 là tiền do ông T nhờ bà M chuyển khoản cho bà H. Do đó, ông T kháng cáo cho rằng, ông đã giao tiền mặt cho bà M, mỗi lần số tiền 50.000.000 đồng và nhờ bà M chuyển khoản cho bà H theo Ủy nhiệm chi ngày 13/9/2021 và ngày 11/10/2021, là có căn cứ nên chấp nhận.

[23] Đối với Ủy nhiệm chi, ngày 11/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 20.000.000 đồng, với nội dung: chuyển khoản và Ủy nhiệm chi ngày 12/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho bà Trần Phương H số tiền 30.000.000 đồng, với nội dung: Chuyển Hảo (bút lục số 29 – 30).

[24] Ông T trình bày: theo đề nghị của bà M, ông có mua một số thiết bị văn phòng và ông đã ứng tiền mặt để mua sau đó bà M chuyển trả tiền cho ông vào tài khoản của bà H (vợ của ông).

[25] Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông T cung cấp Đơn đặt hàng ngày 20/10/2021, mua 08 Camera cố định, 03 Camera xoay, 02 đầu ghi và 08 bát treo, với giá 10.140.000 đồng; Phiếu giao hàng của Công ty TNHH T3 ngày 23/10/2021, với các hàng hóa mua 02 ổ cứng 2T, kèm mạng và 01 hộp RJ45, với giá là 3.000.000 đồng; Mua ti vi 65 inches S1 tại hẻm F Â, Quận H ngày 29/10/2021 (do ông T chuyển khoản), giá số tiền 20.500.000 đồng; Chuyển khoản phí dịch vụ gia hạn Visa cho K (con bà M) ngày 08/11/2021, với số tiền 4.250.000 đồng; Bảng báo giá ngày 11/11/2021 của Công ty Cổ phần Đ1, tên sản phẩm P với giá tiền 2.800.000 đồng (không lấy hóa đơn nên chỉ có báo giá,

đơn vụ thụ hưởng là Homestay Mỹ D của bà M); Hóa đơn máy bán hàng của Công ty TNHH A1 ngày 05/12/2021, tên sản phẩm: M1 và M2, với giá 6.000.000 đồng do ông T chuyển khoản ngày 05/12/2021 qua dịch vụ thanh toán tại quầy S2 – Payment Service; tiền xăng xe Camry 2.500.000 đồng, tiền cầu đường 800.000 đồng và lược giải tin nhắn. Tổng cộng là 50.000.000 đồng.

[26] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện thừa nhận bà M có nhờ ông T mua các tài sản mà ông T trình bày trên và bà M đã nhận được các tài sản nêu trên nhưng bà M là người trả tiền mặt cho người đến giao hàng. Tuy nhiên, bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà M là người trả tiền khi nhận các tài sản trên.

[27] Như vậy, theo Đơn đặt hàng ngày 20/10/2021, mua 08 Camera cố định, 03 Camera xoay, 02 đầu ghi và 08 bát treo, với giá 10.140.000 đồng; Phiếu giao hàng của Công ty TNHH T3 ngày 23/10/2021, với các hàng hóa mua 02 ổ cứng 2T, kềm mạng và 01 hộp RJ45, với giá là 3.000.000 đồng; Mua ti vi 65 inches S1 tại hẻm F Â, Quận H ngày 29/10/2021 (do ông T chuyển khoản), giá số tiền 20.500.000 đồng; Chuyển khoản phí dịch vụ gia hạn Visa cho K (con bà M) ngày 08/11/2021, với số tiền 4.250.000 đồng; Bảng báo giá ngày 11/11/2021 của Công ty Cổ phần Đ1, tên sản phẩm P với giá tiền 2.800.000 đồng (không lấy hóa đơn nên chỉ có báo giá, đơn vụ thụ hưởng là Homestay Mỹ D của bà M); Hóa đơn máy bán hàng của Công ty TNHH A1 ngày 05/12/2021, tên sản phẩm: M1 và M2, với giá 6.000.000 đồng do ông T chuyển khoản ngày 05/12/2021 qua dịch vụ thanh toán tại quầy S2 – P và tiền xăng xe Camry 2.500.000 đồng, tiền cầu đường 800.000 đồng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng. Do đó, ông T kháng cáo cho rằng số tiền 50.000.000 đồng theo Phiếu chuyển khoản ngày 11/11/2021 và ngày 12/11/2021, là tiền mà bà M nhờ ông mua các tài sản và ông đã ứng trước mua các tài sản cho bà M và bà M chuyển khoản trả lại cho ông vào tài khoản của bà H (vợ của ông) theo Ủy nhiệm chi ngày 11/11/2021 là 20.000.000 đồng và Ủy nhiệm chi ngày 12/11/2021 là 30.000.000 đồng, là có căn cứ nên chấp nhận.

[28] Theo Ủy nhiệm chi, ngày 30/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho ông Trần Quang T số tiền 25.000.000 đồng, với nội dung: chuyển T và Ủy nhiệm chi, ngày 30/11/2021, thể hiện: Bà Ngô Thị Thanh M đã chi cho ông Trần Quang T số tiền 6.000.000 đồng, với nội dung: chuyển T (bút lục số 31 – 32).

[29] Ông T kháng cáo cho rằng, số tiền 31.000.000 đồng theo hai tờ Ủy nhiệm chi cùng ngày 30/11/2021, là do giao dịch sang tay thành công miếng đất trong khu phố N nên bà M tặng cho ông cái Ipad trị giá 31.000.000 đồng. Căn cứ tin nhắn zalo tờ 31, 32, 33 tập tài liệu 03 của lược giải.

[30] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M ủy quyền cho ông Đ đại diện trình bày, khi giao dịch thành công phần đất tại khu phố N, bà M có hứa cho ông T chiếc điện thoại giá trị khoảng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, người đại diện của bà M không xuất trình được chứng cứ chứng minh có cho ông T chiếc điện thoại

chứ không phải chiếc Ipad. Đồng thời, căn cứ tin nhắn của bà M do ông T xuất trình (tại bút lục số 77 – 79) và tin nhắn zalo tờ 31, 32, 33 tập tài liệu 03, có căn cứ giữa bà M và ông T có liên quan đến nội dung I và việc bà M chuyển tiền theo Ủy nhiệm chi trên. Do đó, ông T kháng cáo cho rằng số tiền 31.000.000 đồng theo hai tờ Ủy nhiệm chi cùng ngày 30/11/2021, là do giao dịch sang tay thành công miếng đất trong khu phố N nên bà M tặng cho ông cái Ipad trị giá 31.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[31] Từ những nhận định trên, ông T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M là có căn cứ nên chấp nhận.

[32] Án sơ thẩm nhận định, nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Trần Quang T và bà Trần Phương H phải trả cho bà M số tiền mà ông T và bà H đã nhận là 311.000.000 đồng, căn cứ các tài liệu, chứng cứ là các ủy nhiệm chi, phiếu chuyển khoản từ tài khoản của bà M cho người thụ hưởng là ông T và bà H, với số tiền 311.000.000 đồng. Bị đơn cũng xác nhận có nhận đủ số tiền trên từ bà M thông qua chuyển khoản. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông T cung cấp các chứng cứ  bản chính hóa đơn, đơn đặt hàng, ủy nhiệm chi, sao kê tài khoản và các tập tin nhắn (được người đại diện của nguyên đơn xác nhận), đây là những tình tiết mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 311.000.000 đồng.

[33] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang T, bà Trần Phương H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Như đã nhận định trên, trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bị đơn cung cấp chứng cứ là các hóa đơn, đơn đặt hàng, ủy nhiệm chi, sao kê tài khoản và các tập tin nhắn đã được phía người đại diện của nguyên đơn thừa nhận. Do đó, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang T, bà Trần Phương H và giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[34] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà M, nên bà M phải chịu án phí sơ thẩm là 311.000.000 đồng x 5% = 15.550.000 đồng.

[35] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông T và bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quang T và Trần Phương H.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 112/2023/DS-ST ngày 19/4/2023 của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh M, yêu cầu ông Trần Quang T và bà Trần Phương H phải trả cho bà Ngô Thị Thanh M số tiền là 311.000.000đ (ba trăm mười một triệu đồng).

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thanh M phải chịu là 15.550.000đ (mười lăm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 7.775.000đ (bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) do bà Ngô Thị Thanh M nộp theo biên lai thu số AA/2021/0048561 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị Thanh M còn phải nộp tiếp số tiền 7.775.000đ (bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quang T và bà Trần Phương H không phải chịu. Hoàn trả cho Ông Trần Quang T và bà Trần Phương H mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0011520 ngày 09/5/2023 và số 0011563 ngày 16/5/2023 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận Gò Vấp;
- TAND quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Tường**